

# Ứng phó với xu hướng bảo hộ thương mại hàng nông sản

Những năm gần đây, xuất khẩu nông sản của Việt Nam vừa phải cạnh tranh với các quốc gia khác, vừa phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và các quy định kỹ thuật khắt khe của nước nhập khẩu thông qua hình thức bảo hộ thương mại. Điều này đặt ra vấn đề, để tồn tại và phát triển, các DN xuất khẩu nông sản của Việt Nam cần phải làm gì để ứng phó kịp thời với xu hướng này?



► ThS Vũ Anh Tuấn - Đại học Thương mại

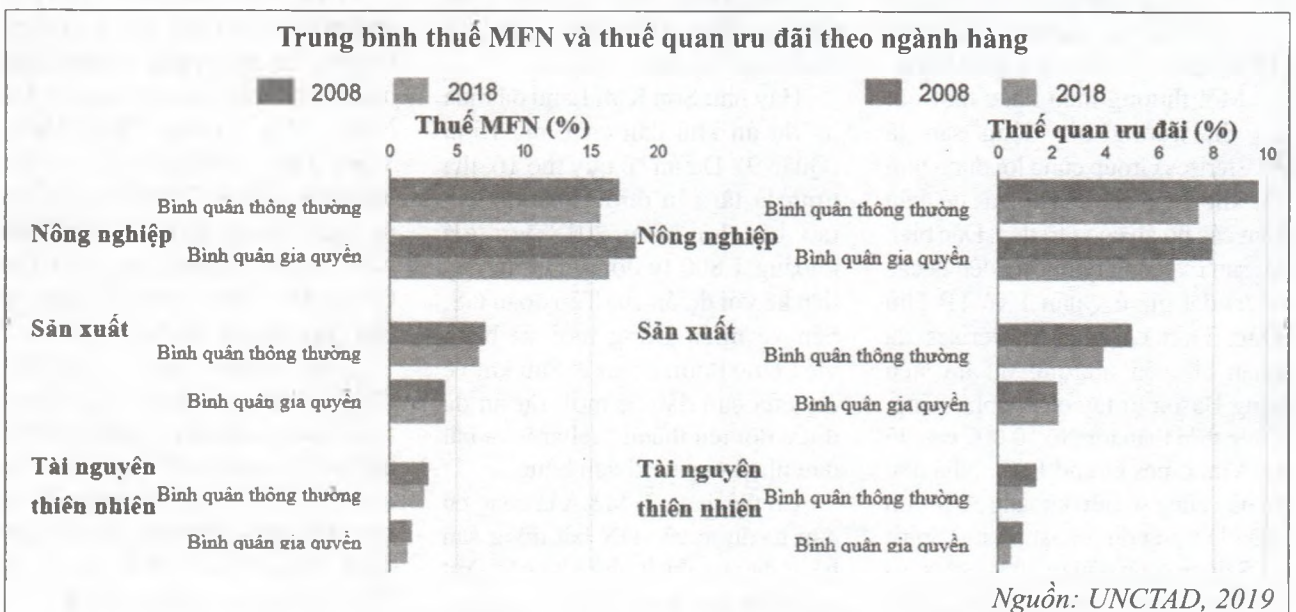
## Thực trạng bảo hộ thương mại hàng nông sản

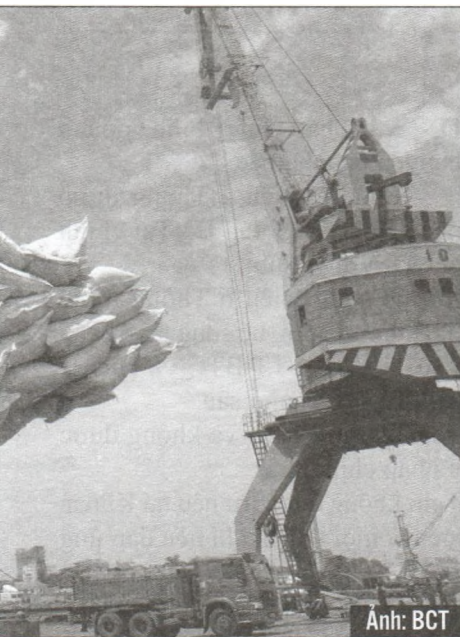
Bảo hộ thương mại là tổng hợp những chính sách của chính phủ các nước nhằm hỗ trợ các nhà sản xuất trong nước cạnh tranh với các nhà sản xuất nước ngoài trong một ngành cụ thể bằng các biện pháp, như tăng giá sản phẩm nhập khẩu, giảm chi phí cho các nhà sản xuất trong nước và hạn chế các nhà sản xuất nước ngoài tiếp cận thị trường trong nước (Abboushi, 2010). Thương mại hàng nông sản là lĩnh vực được bảo hộ mạnh mẽ bởi những đặc trưng của ngành nông nghiệp. Bảo hộ thương mại hàng nông sản thường bao gồm biện pháp thuế quan và biện pháp phi thuế quan như quy định kiểm dịch động thực vật, hạn chế định lượng nhập khẩu.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, thì việc bảo hộ thương mại bằng thuế quan bị coi là không phù hợp xu thế và không mang lại hiệu quả lâu dài. Tuy nhiên trong thực tế, vẫn có những quốc gia sử dụng thuế nhập khẩu như một phương tiện để cân bằng cán cân thương mại, điển hình là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung trong thời gian qua. Theo đó, đa phần các quốc gia này sử dụng phương thức chỉ số về mức độ hạn chế nhập khẩu (TTRI). Đây là chỉ số đo lường mức độ hạn chế trung bình của thuế quan lên nhập khẩu. Số liệu cho thấy, các nước có mức độ phát triển cao hơn sẽ có xu hướng ít sử dụng thuế quan để bảo hộ thương mại hơn và ngược lại. Ngoài ra, theo dữ liệu từ Hội nghị Liên Hợp Quốc về thương mại và phát triển (UNC-

TAD) về thuế trung bình tối huệ quốc (MFN) và thuế quan ưu đãi theo các hiệp định thương mại tự do song phương của ba nhóm hàng hóa chính trong giai đoạn 2008 - 2018 cho thấy, hàng nông nghiệp chịu mức thuế trung bình cao hơn hàng sản xuất và hàng tài nguyên thiên nhiên. Mức thuế MFN cho hàng nông nghiệp đã giảm 2% (cách tính bình quân thông thường) và 3% (cách tính bình quân gia quyền). Đối với thuế quan ưu đãi cho hàng nông nghiệp, thì mức giảm lần lượt cho hai cách tính là 2% và 1,5%.

Ngoài chính sách thuế quan, các biện pháp phi thuế quan cũng được sử dụng để bảo hộ thương mại với hình thức ngày càng đa dạng, tinh vi và rắc rối hơn. Trong số các chính sách phi thuế quan,





tỷ USD năm 2020. Việt Nam hiện có 6 mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, bao gồm gạo, rau quả, hồ tiêu, hạt điều, cà phê và cao su. Thị trường xuất khẩu nông sản chủ yếu của Việt Nam gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ.

Bên cạnh mặt tích cực của quá trình hội nhập, thì bối cảnh bảo hộ thương mại đang khiến cho nông sản xuất khẩu của Việt Nam vừa phải cạnh tranh với nông sản của nhiều nước, vừa phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và các quy định kỹ thuật khắt khe của nước nhập khẩu. Đơn cử như Trung Quốc đã lập rào cản TBT đối với gạo nhập khẩu từ Việt Nam bằng cách yêu cầu Tổng cục chất lượng Trung Quốc (AQSIQ) khảo sát và tuyên chọn DN xuất khẩu gạo. Theo đó, từ 1/1/2017, chỉ có 22 DN Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu gạo sang Trung Quốc. Ngoài ra, hàng nông sản Việt Nam phải đối mặt với các biện pháp điều tra phòng vệ thương mại của các nước với mức độ và tần suất lớn hơn, điển hình như Hoa Kỳ (27 vụ việc) và EU (14 vụ việc). Khi bị áp dụng biện

pháp phòng vệ thương mại, DN Việt Nam sẽ phải đầu tư đáng kể nguồn nhân lực và tài chính để tham gia giải quyết vụ việc.

Đề ứng phó với tình trạng mở rộng bảo hộ thương mại, nhất là đối với hàng nông sản, điều đầu tiên mà các cơ quan quản lý cần thực hiện đó là, xây dựng chương trình xúc tiến xuất khẩu hàng hóa đối với từng ngành hàng để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang các nước đã ký kết FTA. Đồng thời, tăng cường đầu tư phát triển hệ thống thông tin về thị trường nông sản trên thế giới để tạo điều kiện cho DN xuất khẩu nông sản Việt Nam đáp ứng các yêu cầu tại thị trường nhập khẩu. Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục có chính sách thu hút đầu tư cho ngành nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao thương hiệu nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Mặt khác, quy hoạch các vùng sản xuất, nuôi trồng thích hợp, có sự điều phối theo nhu cầu xuất khẩu của thị trường, từ đó định hướng hoạt động sản xuất trong nước.

Bên cạnh vai trò bà đỡ của Nhà nước, bản thân các DN sản xuất, xuất khẩu nông sản cần chủ động đẩy mạnh, đa dạng hóa thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh cho một số mặt hàng nông sản chủ lực; nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu, đồng thời có sự chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào, nhằm giảm bớt sự phụ thuộc nguồn cung từ thị trường nước ngoài. Cùng với đó, các DN cần xây dựng chiến lược xúc tiến quảng bá thương hiệu, sản phẩm trên thị trường nước ngoài, cũng như xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lưu trữ hồ sơ, nhằm đáp ứng yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do về chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Điều quan trọng là, phải tăng cường thêm sự đoàn kết giữa các DN với DN, phối hợp chặt chẽ với hiệp hội ngành hàng để cùng nhau tháo gỡ khó khăn từ thị trường nước ngoài, nhất là tình trạng bị áp dụng các biện pháp bảo hộ thương mại thông qua thuế quan ■

thì rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) là phổ biến nhất. Thực tế cho thấy, xu hướng áp dụng chính sách phi thuế quan cho hàng nông nghiệp nhiều hơn nhóm hàng sản xuất và tài nguyên thiên nhiên. Trong hàng nông nghiệp, thì các biện pháp về TBT được áp dụng nhiều nhất lên các dòng hàng (gần 60%) và có tác động lớn nhất đến thương mại hàng nông nghiệp (đều trên 80%)

### Khuyến nghị đối với Việt Nam

Trong thời gian qua, xuất khẩu nông sản Việt Nam đã có nhiều kết quả tích cực với giá trị đạt tới 41

